

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KONTUM
TỈNH KONTUM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **34/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 12 - 7 - 2017.

V/v "Tranh chấp ly hôn, con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KONTUM – TỈNH KONTUM

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoa Như

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Duy Cảnh và bà Nguyễn Thị Hộ.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Rô Lan Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố KonTum.

Ngày 12-7- 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum - tỉnh KonTum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 221/2017/TLST- HNGĐ ngày 30/5/2017 về việc "*Tranh chấp ly hôn, con chung*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2017/QĐST-HNGĐ ngày 27-6-2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn TL – sinh năm 1966 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Trịnh XT – Sinh năm 1962 (có mặt)

Cùng trú tại: Tổ A, phường NM - thành phố KT, KonTum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17-5-2017 và bản tự khai, nguyên đơn Nguyễn TL trình bày:

Tôi và anh ông T tự nguyện sống chung với nhau vào tháng 8 năm 1994, không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn chúng tôi sống hạnh phúc và sinh được 01 con chung : Trịnh TKL, sinh ngày 22/11/2004. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nguyên nhân do ông T có quan hệ với người phụ nữ khác, mỗi khi uống rượu ông T hay đánh đập tôi hết sức tàn nhẫn. Bên cạnh đó ông T còn hay ghen tuông vô cớ, tiền bạc làm ra không đưa tôi chi

tiêu trong gia đình, tôi phải tự lo bươn chải kiếm tiền nuôi con ăn học. Vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện với nhau nhưng không có sự thay đổi.

Mâu thuẫn của chúng tôi thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cuộc sống không hạnh phúc, chồng tôi thường xuyên đánh đập tôi về thể xác, hành hạ mẹ con tôi về tinh thần. Đề nghị tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là Trịnh TKL, sinh ngày 22/11/2004, tôi có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trịnh XT trình bày:

Tôi và cô L tự nguyện sống chung với nhau vào năm 1994, không có đăng ký kết hôn vì do không có thời gian. Chúng tôi có 01 người con chung là Trịnh TKL, cho đến thời điểm Tòa án xét xử, chúng tôi vẫn chưa đăng ký. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng tôi không lớn, thời gian vừa qua do buồn bực về cách cư xử không tế nhị của vợ đối với tôi nên tôi có uống rượu say, không kiềm chế được bản thân nên có đánh bà L một vài bạt tai, tôi vô cùng ân hận, mong muốn tòa án hòa giải đoàn tụ gia đình.

Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Bà Nguyễn TL và ông Trịnh XT tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1994 cho đến nay vẫn không đăng ký kết hôn là trái với quy định tại Nghị Quyết số 35/2000/NQ-QH ngày 09/6/2000 của Quốc hội và Luật hôn nhân gia đình quy định về đăng ký kết hôn. Do đó pháp luật không công nhận bà L và ông T là vợ chồng. Các yêu cầu về con chung được giải quyết theo quy định tại điều 15 Luật hôn nhân gia đình 2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay mặc dù đã được Tòa án phân tích, động viên, hòa giải. Tuy nhiên bà Nguyễn TL vẫn kiên quyết không đồng ý đoàn tụ vợ chồng.

Xét nguyên nhân nhân mâu thuẫn của bà L, ông T thấy rằng trong quá trình chung sống, hai bên không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên mâu thuẫn và

có hành vi bạo lực gia đình,việc quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình đã không được các đương sự thực hiện theo như điều 19 Luật hôn nhân gia đình 2014.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà L, ông T đã thật sự trầm trọng, khó có thể đoàn tụ gia đình. Vì vậy Tòa án áp dụng các quy định của Luật hôn nhân gia đình để giải quyết tranh chấp về con chung.

[2].Về con chung : Xét thấy, nguyện vọng của cháu Trịnh TKL được ở với mẹ Nguyễn TL, ông T cũng tôn trọng nguyện vọng của con. Vì vậy để con cái phát triển về thể chất, tinh thần cũng như xét về nguyện vọng cháu, nên giao 01con chung là : Trịnh TKL cho bà L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Tại phiên tòa Ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo mức lương tối thiểu nhà nước quy định là 1.300.000 đồng / tháng nên Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng này.

[3].Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Bà Nguyễn TL phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Ông Trịnh XT phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc tranh chấp “*Ly hôn, con chung*” của bà Nguyễn TL.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn TL và ông Trịnh XT là vợ chồng.

Yêu cầu về con chung được giải quyết theo quy định tại điều 15 Luật hôn nhân gia đình 2014.

Về con chung: Giao con chung là Trịnh TKL, sinh ngày 22/11/2004 cho bà Nguyễn TL nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Thời gian nuôi con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Ông Trịnh XT có quyền thăm nom, chăm sóc các con chung không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Ông Trịnh XT phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.300.000 đồng/tháng. ***Nghĩa vụ cấp dưỡng được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.***

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực và bà Nguyễn TL có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản cấp dưỡng nêu trên mà ông Trịnh XT chậm trả tiền thì phải trả lãi phát sinh đối với số tiền gốc chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, cho đến khi thi hành án xong.

Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6; khoản 1 Điều 24; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn TL phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008288 ngày 30-5-2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố KonTum.

Ông Trịnh XT phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/7/2017) các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh KonTum;
- VKSND TP KonTum;
- THA dân sự TP KonTum;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

- TAND cấp cao Đà Nẵng
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Hoa Như